

Phát hành TPCP 8 tháng đầu 2024 đạt 60% kế hoạch năm; lãi suất OMO giảm

Phạm Vũ Thăng Long
Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

Nguyễn Bảo Châu
Chuyên viên, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
chau.nbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4876

Vũ Việt Linh
Trưởng Phòng, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
linh.vuviet@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

- Phát hành TPCP tháng 8/2024 tăng lên 45,3 nghìn tỷ đồng, mức cao nhất kể từ tháng 11/2022, tương đương tổng phát hành 8 tháng đầu năm 2024 đạt 238 nghìn tỷ đồng (bằng 60% kế hoạch năm 2024 là 400 nghìn tỷ đồng).
- GTGD bình quân ngày trên thị trường thứ cấp giảm 3% so với tháng trước nhưng tăng gấp đôi so với cùng kỳ đạt 11 nghìn tỷ đồng, với lợi suất trái phiếu bình quân ổn định ở mức 2,49% (tăng 19 điểm cơ bản so với cùng kỳ). Khối ngoại mua ròng trở lại 388 tỷ đồng trong tháng 8/2024 sau khi bán ròng 559 tỷ đồng trong tháng 7/2024.
- Tại thời điểm ngày 17/9/2024, lãi suất cho vay qua đêm, 1 tháng và 3 tháng lần lượt ở mức 3,21%, 3,72% và 4,78%, giảm lần lượt 137, 80 và 6 điểm cơ bản trong 1 tháng vừa qua. Lãi suất tín phiếu NHNN và lãi suất mua lại đảo ngược giảm lần lượt 10 và 25 điểm cơ bản trong 1 tháng qua xuống lần lượt 4,15% và 4%.

Phát hành TPCP tăng trong tháng thứ 4 liên tiếp

Phát hành TPCP tăng mạnh trong tháng thứ 4 liên tiếp lên 45,3 nghìn tỷ đồng trong tháng 8/2024 (28,6 nghìn tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 10 năm, chiếm 63% tổng giá trị), lượng phát hành lớn nhất kể từ tháng 11/2022. Tính đến cuối tháng 8/2024, 238 nghìn tỷ đồng TPCP đã được phát hành thành công (bằng 60% tổng giá trị phát hành dự kiến cả năm ở mức 400 nghìn tỷ đồng), chủ yếu là TPCP kỳ hạn 10 năm. Lợi suất trung thầu bình quân theo tháng trong tháng 8/2024 giảm 11 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 2,62%, trong đó lợi suất kỳ hạn 10 năm và 15 năm giảm 4-5 điểm cơ bản so với tháng trước, trong khi tỷ lệ phát hành thành công tăng lên 81% từ 57% trong tháng 7/2024.

Thanh khoản giảm nhẹ; lợi suất trái phiếu vẫn ổn định

Trên thị trường thứ cấp, thanh khoản bình quân ngày trong tháng 8 giảm 3% so với tháng trước nhưng tăng gấp đôi so với cùng kỳ, đạt 11 nghìn tỷ đồng, dẫn đến tổng giá trị giao dịch trong tháng đạt 243 nghìn tỷ đồng. Giao dịch bán đứt (outright) tăng 8% so với tháng trước lên 6,8 nghìn tỷ đồng trong khi giao dịch repo giảm 17% so với tháng trước xuống 4,2 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, lợi suất TPCP bình quân tháng 8/2024 ổn định so với tháng trước và tăng 19 điểm cơ bản so với cùng kỳ đạt 2,49%.

Nhìn chung, lợi suất bình quân TPCP Việt Nam kỳ hạn 10 năm giảm 4 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 2,61% vào cuối tháng 8/2024, trong khi lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm mạnh hơn xuống 3,91% (giảm 18 điểm cơ bản so với tháng trước), từ đó thu hẹp chênh lệch lợi suất xuống âm 130 điểm cơ bản. Trong khi đó, NHNN mua ròng trở lại 388 tỷ đồng trong tháng 8/2024, góp phần nâng tổng giá trị mua ròng kể từ đầu năm lên 607 tỷ đồng, so với mức bán ròng 5,2 nghìn tỷ đồng trong 8 tháng đầu năm 2023.

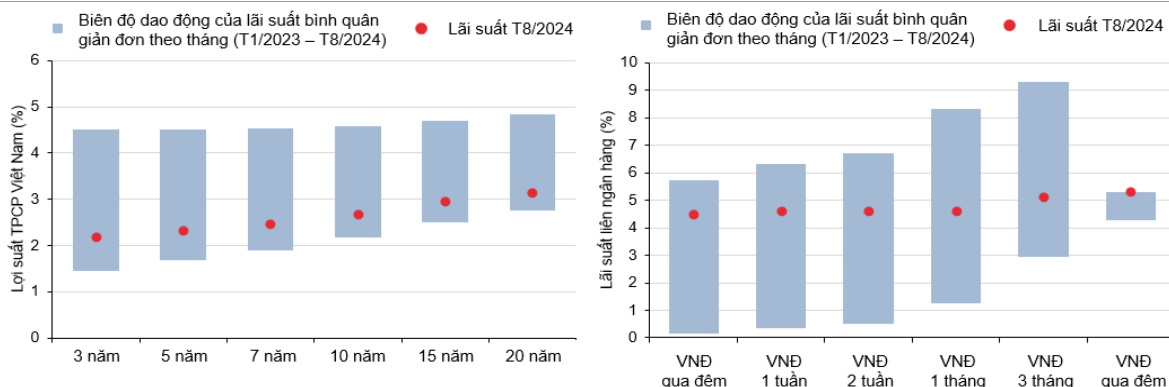
Lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn

Trong bối cảnh thanh khoản ngày ổn định, lãi suất cho vay liên ngân hàng ở tất cả các kỳ hạn tiếp tục hạ nhiệt. Tính đến ngày 17/9/2024, lãi suất cho vay qua đêm, 1 tháng và 3 tháng lần lượt ở mức 3,21%, 3,72% và 4,78%, giảm lần lượt 137, 80 và 6 điểm cơ bản trong 1 tháng vừa qua. Do đó, chênh lệch âm giữa lãi suất cho vay qua đêm của đồng VND và USD tăng lên 209 điểm cơ bản từ âm 73 điểm cơ bản 1 tháng trước.

Trên thị trường OMO, NHNN đã bơm ròng 82,8 nghìn tỷ đồng trong tháng 8. Lãi suất tín phiếu NHNN giảm 35 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 4,15%, trong khi lãi suất mua lại đảo ngược giảm 25 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 4,25% trong tháng 8/2024. Trong 17 ngày đầu tháng 9/2024, NHNN đã dừng phát hành tín phiếu (còn VND22tn tín phiếu đáo hạn) nhưng tiếp tục mua vào 33,6 nghìn tỷ đồng giấy tờ có giá, bù đắp 65,3 nghìn tỷ đồng giấy tờ có giá đáo hạn, tương đương với giá trị rút ròng là 9,8 nghìn tỷ đồng. Trong giai đoạn này, lãi suất mua lại đảo ngược giảm 25 điểm cơ bản xuống 4%. Từ đầu năm đến nay, tổng lượng tiền bơm vào thị trường tiền tệ đạt 1,6 nghìn tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/9.

Biểu đồ 1: Tóm tắt thị trường trái phiếu Chính phủ và thị trường liên ngân hàng trong tháng 8/2024



Nguồn: CEIC, HSC

Phát hành 2 tháng vừa qua đạt 55% tổng giá trị phát hành dự kiến Q3 của Chính phủ

Tổng giá trị TPCP tăng mạnh 24% so với tháng trước và tăng 108% so với cùng kỳ lên 45,3 nghìn tỷ đồng, tương đương tổng giá trị phát hành 2 tháng vừa qua đạt 81,8 nghìn tỷ đồng, bằng 55% tổng giá trị phát hành dự kiến Q3 của Chính phủ. Lợi suất trúng thầu bình quân giảm 11 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 2,62%, trong khi tỷ lệ phát hành thành công tăng lên 81%. Trên thị trường thứ cấp, giá trị giao dịch bình quân ngày tháng 8/2024 giảm 3% so với tháng trước nhưng tăng gấp đôi so với cùng kỳ đạt 11 nghìn tỷ đồng, tương đương tổng giá trị giao dịch đạt 243 nghìn tỷ đồng trong tháng. Lợi suất trái phiếu bình quân vẫn ổn định ở mức 2,49% (mặc dù tăng 19 điểm cơ bản so với cùng kỳ). NHĐT NN mua ròng trở lại 388 tỷ đồng trong tháng 8. Kể từ đầu năm, NHNN đã bơm 1,6 nghìn tỷ đồng vào thị trường tiền tệ.

Thị trường sơ cấp

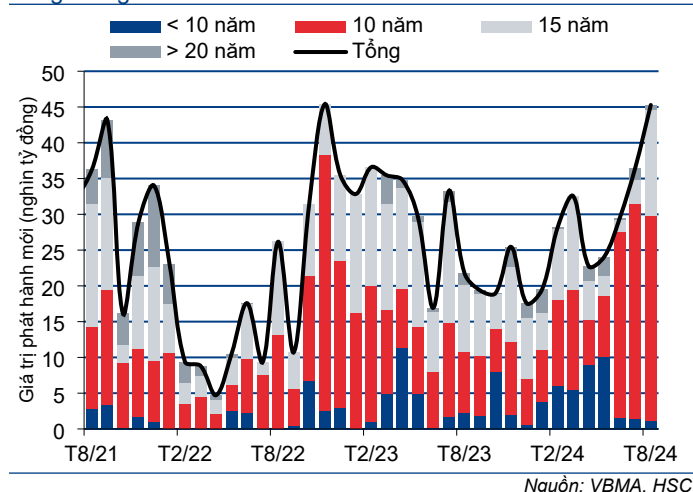
Phát hành TPCP tăng mạnh trong tháng thứ 4 liên tiếp lên 45,3 nghìn tỷ đồng trong tháng 8/2024 (tăng 24% so với tháng trước và tăng 108% so với cùng kỳ), lượng phát hành lớn nhất kể từ tháng 11/2022. Từ đó, tổng giá trị phát hành 2 tháng vừa qua đạt 81,8 nghìn tỷ đồng, bằng 55% tổng giá trị phát hành dự kiến Q3 của Chính phủ (150 nghìn tỷ đồng). Trong đó, trái phiếu kỳ hạn 10 năm chiếm tỷ trọng lớn với 28,6 nghìn tỷ đồng, bằng 63% tổng giá trị phát hành tháng 8/2024.

Đáng chú ý, Kho bạc Nhà nước đã đẩy mạnh đáng kể phát hành trái phiếu kỳ hạn 15 năm (tăng 4 lần so với tháng trước) lên 15 nghìn tỷ đồng, trong khi giá trị phát hành kỳ hạn 5 năm giảm 20% so với tháng trước xuống 1,2 nghìn tỷ đồng (Biểu đồ 2-3) (Mời xem Biểu đồ 19 trong phần Phụ lục).

Tính đến cuối tháng 8/2024, Kho bạc Nhà nước đã phát hành thành công 238 nghìn tỷ đồng TPCP, giảm 1% so với cùng kỳ và bằng 60% tổng giá trị phát hành dự kiến cả năm ở mức 400 nghìn tỷ đồng, chủ yếu là TPCP kỳ hạn 10 năm, vượt 133% kế hoạch cả năm (Biểu đồ 4).

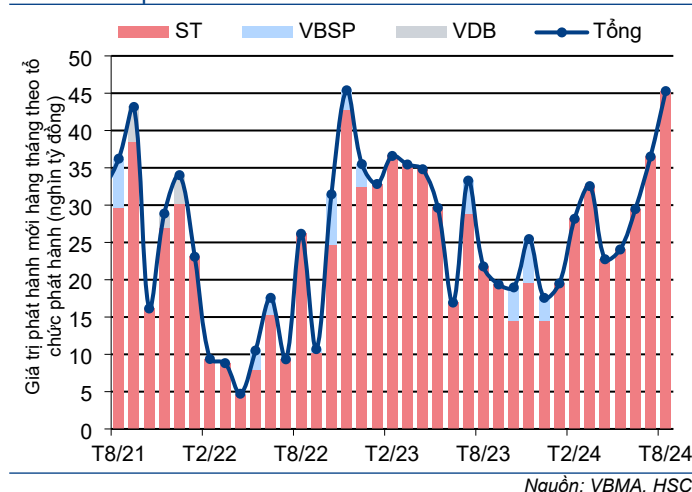
Biểu đồ 2: Giá trị phát hành mới hàng tháng theo kỳ hạn

Phát hành TPCP tăng 4 tháng liên tiếp lên 45,3 nghìn tỷ đồng trong tháng 8/2024



Biểu đồ 3: Giá trị phát hành mới hàng tháng theo tổ chức phát hành

Toàn bộ TPCP được Kho bạc Nhà nước phát hành trong tháng thứ 8 liên tiếp



Bảng 4: Kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ trong năm 2024

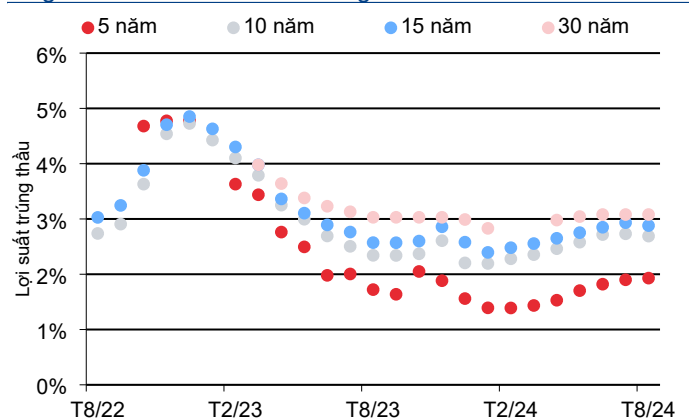
Giá trị phát hành thực tế trong 8 tháng đầu năm 2024 bằng 60% kế hoạch cả năm

Kỳ hạn	Kế hoạch 2024 (nghìn tỷ đồng)	Kế hoạch Q3/2024 (nghìn tỷ đồng)	Thực tế T8/2024 (nghìn tỷ đồng)	% kế hoạch Q3/2024	Thực tế 8T2024 (nghìn tỷ đồng)	% kế hoạch 2024
3 năm	30.0	0.0	0.0	0%	0.0	0%
5 năm	70.0	15.0	1.2	8%	38.0	54%
7 năm	15.0	5.0	0.0	0%	0.4	3%
10 năm	100.0	55.0	28.6	52%	132.9	133%
15 năm	140.0	65.0	14.9	23%	56.6	40%
20 năm	20.0	5.0	0.5	10%	6.0	30%
30 năm	25.0	5.0	0.1	2%	4.5	18%
Tổng	400.0	150.0	45.3	30%	238.3	60%

Nguồn: VBMA, HSC

Biểu đồ 5: Biến động lợi suất trúng thầu hàng tháng (%/năm)

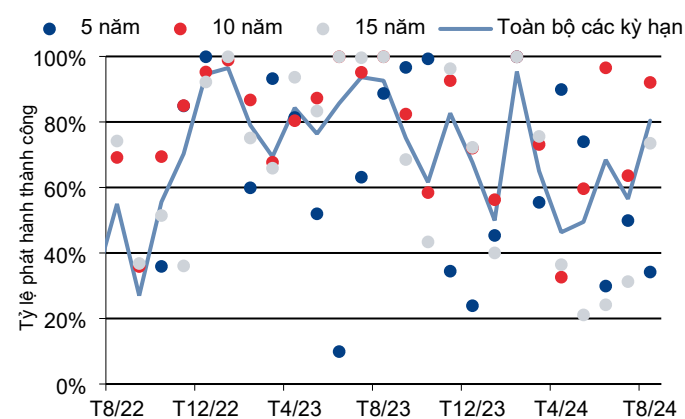
Lợi suất bình quân kỳ hạn 10 năm & 15 năm giảm 4-5 điểm cơ bản so với tháng trước, trong khi lợi suất kỳ hạn 5 năm tăng 3 điểm cơ bản so với tháng trước



Nguồn: VBMA, HSC

Biểu đồ 6: Trái phiếu Chính phủ: Tỷ lệ phát hành thành công

Tỷ lệ phát hành thành công tăng lên 81% trong tháng 8/2024 từ 57% trong tháng 7



Nguồn: VBMA, HSC

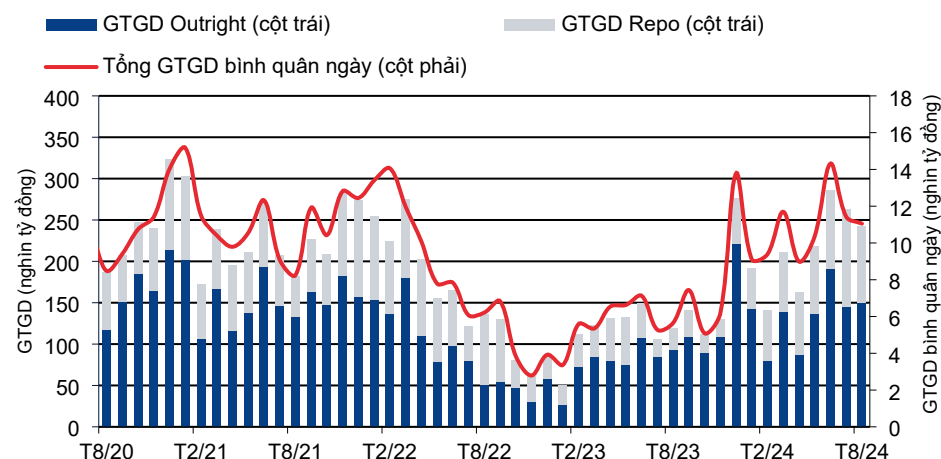
Lợi suất trúng thầu bình quân theo tháng trong tháng 8/2024 giảm 11 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 2,62%, trong đó lợi suất kỳ hạn 10 năm và 15 năm giảm 4-5 điểm cơ bản so với tháng trước trong khi lãi suất kỳ hạn 5 năm tăng nhẹ 3 điểm cơ bản so với tháng trước (Biểu đồ 5). Trong khi đó, tỷ lệ phát hành thành công tăng lên 81% từ 57% trong tháng 7/2024, trong đó trái phiếu kỳ hạn 10 năm dẫn đầu ở mức 92%, tiếp theo là kỳ hạn 15 năm ở mức 74% và kỳ hạn 20 năm ở mức 51% (Biểu đồ 6).

Thị trường thứ cấp

GTGD bình quân ngày trên thị trường thứ cấp giảm 3% so với tháng trước nhưng tăng gấp đôi so với cùng kỳ đạt 11 nghìn tỷ đồng, dẫn đến tổng GTGD đạt 243 nghìn tỷ đồng (Biểu đồ 7). Trong khi GTGD bình quân ngày giao dịch outright tăng 8% so với tháng trước lên 6,8 nghìn tỷ đồng, giá trị giao dịch mua lại giảm 17% so với tháng trước xuống 4,2 nghìn tỷ đồng trong tháng 8/2024.

Biểu đồ 7: Giá trị giao dịch theo tháng & thanh khoản bình quân ngày

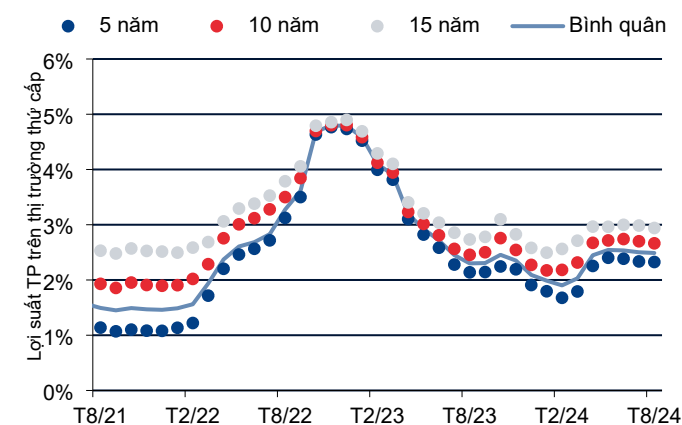
GTGD bình quân ngày giảm 3% so với tháng trước, đạt 11 nghìn tỷ đồng trong tháng 8



Nguồn: VBMA, HSC

Biểu đồ 8: Diễn biến lợi suất trái phiếu Chính phủ

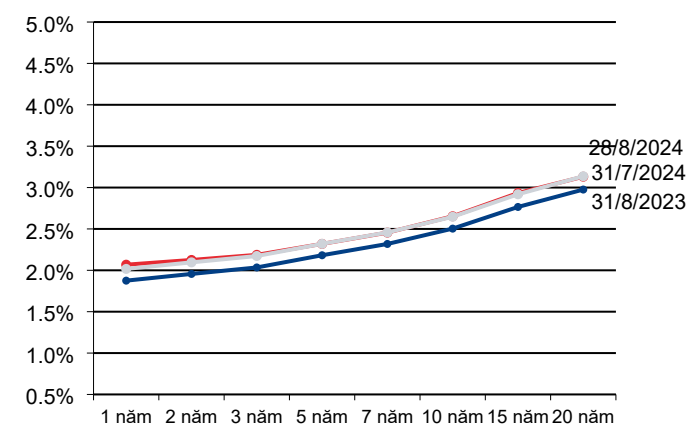
Lợi suất bình quân duy trì ổn định so với tháng trước ở mức 2,49%



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 9: Đường cong lợi suất trái phiếu Chính phủ

Đường cong lợi suất TPCP dịch chuyển lên trên trong tháng 8



Nguồn: CEIC, HSC

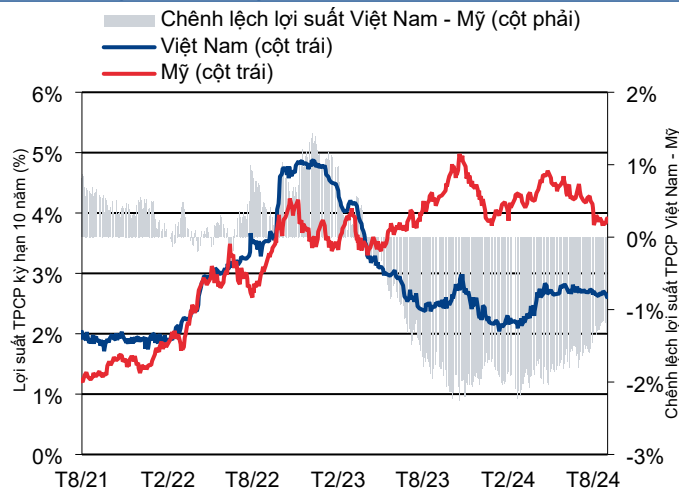
Lợi suất TPCP bình quân ổn định so với tháng trước ở mức 2,49% trong tháng 8 (tăng 19 điểm cơ bản so với cùng kỳ). Lợi suất bình quân trái phiếu kỳ hạn dưới 5 năm tăng 1-2 điểm cơ bản so với tháng trước, trong khi kỳ hạn từ 5 năm trở lên giảm 1-4 điểm cơ bản so với tháng trước. So với cùng kỳ, lợi suất bình quân ở tất cả các kỳ hạn đều có xu hướng tăng 17-21 điểm cơ bản (Biểu đồ 8-9).

So với thị trường trái phiếu quốc tế, lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm của Việt Nam giảm nhẹ 4 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 2,61% tại thời điểm cuối tháng 8/2024, trong khi lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm mạnh hơn xuống 3,91% (giảm 18 điểm cơ bản so với tháng trước), từ đó tiếp tục thu hẹp chênh lệch lợi suất 14 điểm cơ bản so với tháng trước, xuống âm 130 điểm cơ bản (Biểu đồ 10).

Trong khi đó, NĐT NN mua ròng trở lại 388 tỷ đồng trong tháng 8/2024 sau khi bán ròng 559 tỷ đồng trong tháng 7/2024. Theo đó, tổng giá trị mua ròng 8 tháng đầu năm đạt 607 tỷ đồng, so với lượng bán ròng 5,2 nghìn tỷ đồng trong 8 tháng đầu năm 2023 (Biểu đồ 11).

Biểu đồ 10: Lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm: Việt Nam & Mỹ

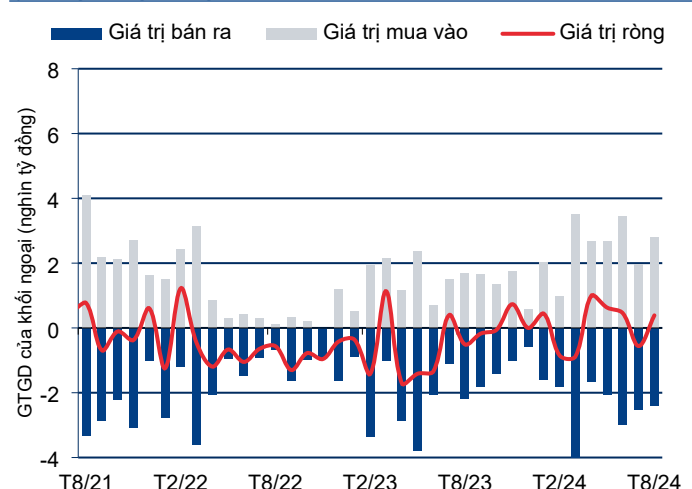
Chênh lệch lợi suất TPCP Việt Nam – Mỹ giảm 14 điểm cơ bản so với tháng trước xuống âm 130 điểm cơ bản



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 11: Giao dịch hàng tháng của khối ngoại trên thị trường thứ cấp

NET NN chuyển sang mua ròng với tổng giá trị mua ròng đạt 388 tỷ đồng trong tháng 8/2024



Nguồn: CEIC, HSC

Thông tin chi tiết về thị trường liên ngân hàng và OMO

Thị trường liên ngân hàng

Trong tháng 8/2024, lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh 25-66 điểm cơ bản so với tháng trước ở hầu hết các kỳ hạn. Trong đó lãi suất cho vay qua đêm ở mức 4,02% (giảm 35 điểm cơ bản so với tháng trước), lãi suất kỳ hạn 1 tháng ở mức 4,05% (giảm 66 điểm cơ bản so với tháng trước) và lãi suất kỳ hạn 3 tháng ở mức 5,09% (giảm 25 điểm cơ bản so với tháng trước).

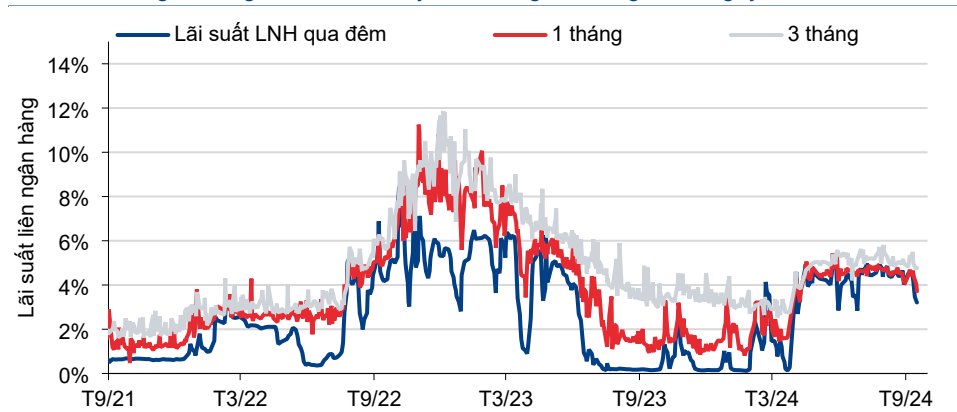
Tính đến ngày 17/9/2024, lãi suất cho vay qua đêm, 1 tháng và 3 tháng lần lượt ở mức 3,21%, 3,72% và 4,78%, giảm lần lượt 81, 33 và 31 điểm cơ bản so với đầu tháng (Biểu đồ 12)

Trong khi đó, thanh khoản bình quân ngày trên thị trường liên ngân hàng tăng nhẹ 0,3% so với tháng trước và tăng 59% so với cùng kỳ lên 338 nghìn tỷ đồng. Trong đó, thanh khoản bình quân ngày của kỳ hạn qua đêm (O/N) giảm 8% so với tháng trước xuống 289 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 1 tuần tăng gấp 3 lần so với tháng trước lên 42 nghìn tỷ đồng (Biểu đồ 13).

Trong khi đó, lãi suất cho vay USD qua đêm (O/N) liên ngân hàng ổn định ở mức 5,3% tính đến ngày 17/9/2024, trong khi lãi suất cho vay VND qua đêm giảm mạnh xuống 3,21% (như đã phân tích ở trên), từ đó làm gia tăng chênh lệch lãi suất VND-USD lên âm 209 điểm cơ bản (so với âm 73 điểm cơ bản 1 tháng trước) (Biểu đồ 14).

Biểu đồ 12: Lãi suất liên ngân hàng (%/năm)

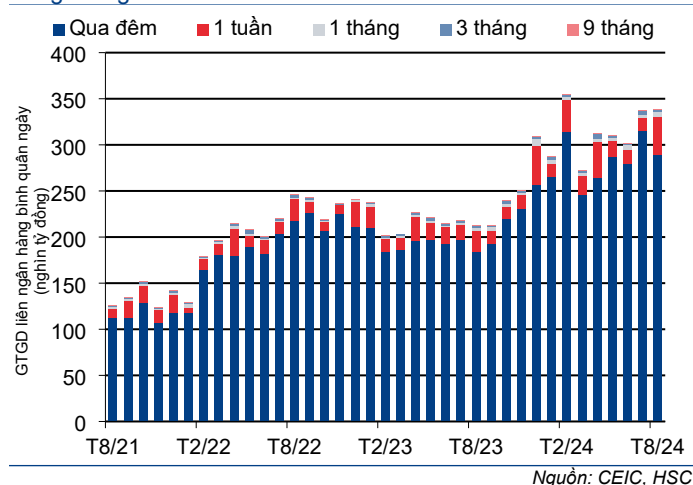
Lãi suất liên ngân hàng tại tất cả các kỳ hạn đều giảm đáng kể từ ngày 17/9/2024



Nguồn: CEIC, HSC

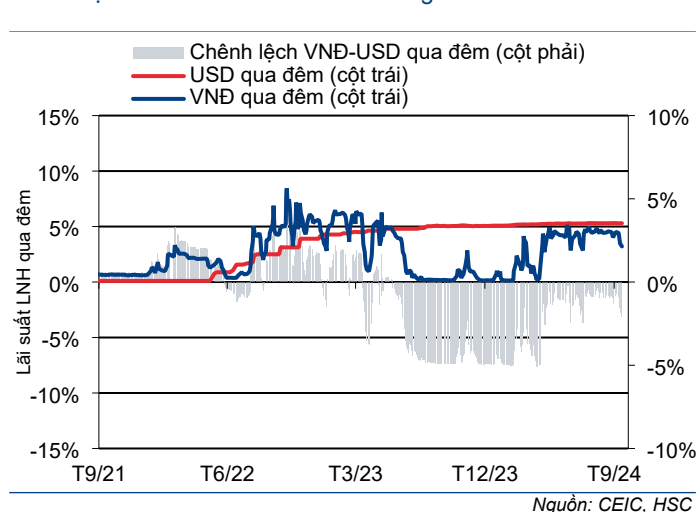
Biểu đồ 13: Giá trị giao dịch LNH bình quân ngày

Giá trị giao dịch LNH bình quân ngày tăng lên 338 nghìn tỷ đồng trong tháng 8



Biểu đồ 14: Lãi suất LNH qua đêm VNĐ-USD (%/năm)

Chênh lệch lãi suất VNĐ-USD LNH tăng lên âm 209 điểm cơ bản



Thị trường OMO

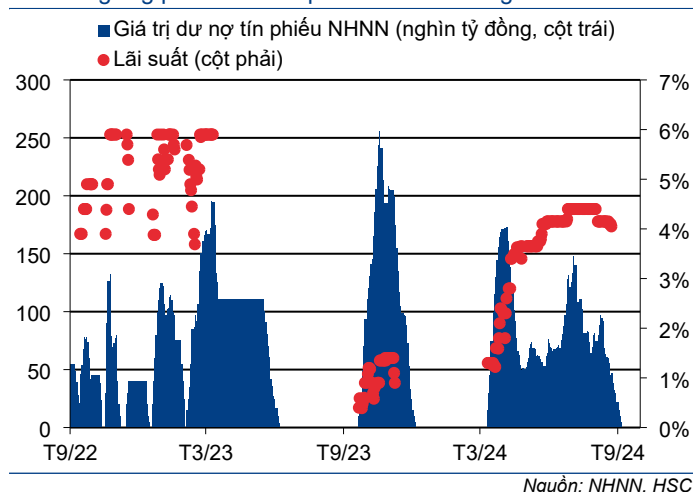
Trong tháng 8, NHNN đã phát hành tín phiếu tổng cộng 98,8 nghìn tỷ đồng, trong khi 180,3 nghìn tỷ đồng tín phiếu đã đáo hạn, tương đương NHNN bơm ròng 81,5 nghìn tỷ đồng. Đồng thời, NHNN đã mua 191,6 nghìn tỷ đồng giấy tờ có giá từ các NHTM, bù trừ với 190,3 nghìn tỷ đồng đáo hạn, tương đương bơm ròng thêm 1,3 nghìn tỷ đồng. Lãi suất tín phiếu NHNN giảm 35 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 4,15% với kỳ hạn cố định 14 ngày trong khi lãi suất mua lại đảo ngược giảm 25 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 4,25% với kỳ hạn từ 7-14 ngày. Tổng cộng, NHNN bơm ròng 82,8 nghìn tỷ đồng trong tháng 8/2024.

Trong 17 ngày đầu tháng 9/2024, NHNN đã ngừng phát hành tín phiếu (còn VND22tn tín phiếu đáo hạn) nhưng tiếp tục mua 33,6 nghìn tỷ đồng giấy tờ có giá, bù đắp cho 65,3 nghìn tỷ đồng giấy tờ có giá đáo hạn, tương đương rút ròng 9,8 nghìn tỷ đồng. Trong giai đoạn này, lãi suất mua lại đảo ngược tiếp tục giảm 25 điểm cơ bản xuống 4%, với kỳ hạn 7 ngày (Biểu đồ 15-16).

Kể từ đầu năm, NHNN đã phát hành thành công 722 nghìn tỷ đồng tín phiếu và mua lại gần 740 nghìn tỷ đồng giấy tờ có giá từ các NHTM. Sau giai đoạn tích cực phát hành tín phiếu kể từ tháng 3/2024, tổng giá trị tín phiếu đang lưu hành (do các ngân hàng thương mại nắm giữ) đã giảm về 0 từ ngày 06/09/2024. Trong khi đó, tổng giá trị giao dịch mua lại đảo ngược đang lưu hành (do NHNN nắm giữ) đạt 1,6 nghìn tỷ đồng, tương đương lượng bơm ròng của NHNN vào thị trường tiền tệ kể từ đầu năm.

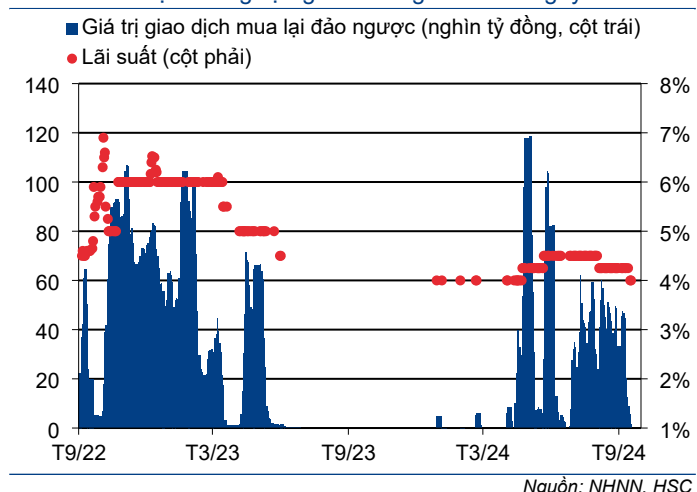
Biểu đồ 15: Giá trị dư nợ tín phiếu NHNN (nghìn tỷ đồng) (biểu thị mức độ hút tiền của NHNN)

NHNN ngừng phát hành tín phiếu từ cuối tháng 8



Biểu đồ 16: Giá trị dư nợ giao dịch mua lại đảo ngược (nghìn tỷ đồng) (biểu thị mức độ bơm tiền của NHNN)

Lãi suất mua lại đảo ngược giảm xuống 4% kể từ ngày 17/9/2024



Phụ lục

Bảng 17: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2018	2019	2020	2021	2022	2023E	2024F	2025F	2026F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	24,950	24,850	24,750
Tỷ giá (VND: CNY)	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,418	3,451	3,438
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.47	7.36	2.87	2.58	8.1	5.05	6.2	6.5	6.5
GDP (tỷ USD)	304	332	346	370	408	434	452	500	551
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,558	3,757	4,101	4,324	4,467	4,900	5,347
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	1.89	3.67	4.35	-2.2	-0.26	6.5	4.42	5	4.54
Nợ công/GDP (%)	46.2	42.8	43.8	44.7	38	39.8	40.1	39.2	38.3
Nợ Chính phủ/GDP (%)	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	36.8	36.8	36.2	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.21	2.09	2.71	3.76	3.08	4.46	3.54	2.81	2.57
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	102.9	106.3	115	124.4	125.3	132.7	137.7	142.4	146.8
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.26	2.3	2.3	2.3
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.8	3.4	3.3
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	3	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	3.2	3.4	3.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.25	6	4	4	6	4.5	4.5	4.25	4.25
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.5	3.5	3
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.5	14	13
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	18,079	20,248	22,678
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	13	12	12
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	79	95	107	85	90	90	105	121
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	6	6.2
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5	5	4	4	6	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.4	2.4	1.2	1	4.6	1.9	2.6	3	3.1
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	4.9	3.2	2	2.9	4.8	2.2	2.8	3.2	3.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cân cán thương mại (tỷ USD)	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.2	27.1	30.1
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	20	25	25
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	238	253	263	333	360	326	384	430	477
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	12.5	6.7	3.7	26.7	8	-9.2	17.5	12	11
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	245	264	283	336	372	355	408	457	507
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	14.5	8	6.9	18.9	10.6	-4.6	15	12	11
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	110	123	129	140	148	159	165	180	195
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.1	36.9	37.3	37.7	36.2	36.6	36.5	36	35.4
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20	19.7	22.4	23.2	25.3	28.3	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.5	38	28.5	31.2	27.7	36.6	39.9	43.5	47.8
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	50.9	52	51
Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.1	9	9
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.7	7	13.1	10.9	0.6	7.6	10	10	9.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	12.3	10.5	4.9	6	8	3.6	8	8.5	8.5
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.6	9	9	9

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Bảng 18: Lịch các sự kiện kinh tế

Sự kiện	Ngày	Thời gian	Địa điểm	Công ty / Tổ chức
Cuộc họp FOMC	30-31/7/2024		Mỹ	Cục Dự trữ Liên bang
Việt Nam: PMI sản xuất (T7-24)	Thứ 5, 8/1/2024	0:30 UTC	Anh	IHS MARKIT
Số liệu vĩ mô: Giá trị sản xuất công nghiệp, doanh số bán lẻ, thương mại (T8/2024)	Thứ 5, 29/8/2024		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Việt Nam: PMI sản xuất (T8-24)	Thứ 3, 3/9/2024	0:30 UTC	Anh	IHS MARKIT
Số liệu vĩ mô: CPI (T8-24)	Thứ 6, 6/9/2024		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Cuộc họp FOMC (với bản tóm tắt các dự báo kinh tế)	17-18/9/2024		Mỹ	Cục Dự trữ Liên bang
Việt Nam: PMI sản xuất (T9-24)	Thứ 3, 1/10/2024	0:30 UTC	Anh	IHS MARKIT
Q3/2024: GDP, giá trị sản xuất công nghiệp, CPI, doanh số bán lẻ, thương mại (T9-24)	Chủ nhật, 6/10/2024		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Số liệu vĩ mô: Giá trị sản xuất công nghiệp, doanh số bán lẻ, thương mại (T10-24)	Thứ 3, 29/10/2024		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Việt Nam: PMI sản xuất (T10-24)	Thứ 6, 1/11/2024	0:30 UTC	Anh	IHS MARKIT
Số liệu vĩ mô: CPI (T10-24)	Thứ 4, 6/11/2024		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Cuộc họp FOMC	6-7/11/2024		Mỹ	Cục Dự trữ Liên bang
Số liệu vĩ mô: Giá trị sản xuất công nghiệp, doanh số bán lẻ, thương mại (T11-24)	Thứ 6, 29/11/2024		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Việt Nam: PMI sản xuất (T11-24)	Thứ 2, 2/12/2024	0:30 UTC	Anh	IHS MARKIT
Số liệu vĩ mô: CPI (T11-24)	Thứ 6, 6/12/2024		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Cuộc họp FOMC (với bản tóm tắt các dự báo kinh tế)	17-18/12/2024		Mỹ	Cục Dự trữ Liên bang
Việt Nam: PMI sản xuất (T12-24)	Thứ 4, 1/1/2025	0:30 UTC	Anh	IHS MARKIT
Q4/2024: GDP, giá trị sản xuất công nghiệp, CPI, doanh số bán lẻ, thương mại (T12-24)	Thứ 2, 6/1/2025		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê

Nguồn: Markit, Fed, Tổng Cục Hải quan, HSC

Bảng 19: Trái phiếu Chính phủ phát hành trong tháng 8/2024

Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	GT chào bán (tỷ đồng)	GT đấu thầu (tỷ đồng)	GT trúng thầu (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
28-8-24	5	500	1,030	330	1.95
28-8-24	10	7,000	8,551	6,350	2.71
28-8-24	15	4,000	2,600	950	2.90
28-8-24	20	500	660	460	3.00
21-8-24	5	500	1,110	310	1.95
21-8-24	10	9,000	8,531	7,270	2.71
21-8-24	15	5,000	3,900	3,250	2.90
21-8-24	20	500	250	50	2.98
14-8-24	5	1,000	1,040	40	1.95
14-8-24	10	9,000	14,629	9,000	2.71
14-8-24	15	6,750	8,842	6,750	2.90
14-8-24	30	500	200	100	3.10
7-8-24	5	1,500	2,520	520	1.95
7-8-24	10	6,000	9,301	5,950	2.71
7-8-24	15	4,500	8,453	3,953	2.90

Nguồn: VBMA, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn